

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4
TỈNH VĨNH LONG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày : 21 – 8 – 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Hồng.**

Bà **Đặng Thị Lệ .**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2025/TLST - DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXX-ST ngày 01/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T** – sinh năm: 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu T là anh Phan Văn D – sinh năm: 1989 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Công R** – sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp R, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T là anh Phan Văn D có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 14/4/2025; trong quá trình tham gia tố tụng anh Phan Văn D trình bày: Vào ngày 02/12/2019 bà Nguyễn Thị Thu T có cho anh Nguyễn Công R vay số tiền 100.000.000đ, có thỏa thuận lãi suất 01%/tháng, có viết biên nhận, hai bên thỏa thuận thời gian trả là khi nào bà T có nhu cầu sử dụng vốn thì thông báo trước cho anh R một tháng. Sau khi vay thì anh R trả tiền lãi cho bà T từ ngày 02/12/2019 đến tháng 12/2020 nhưng số tiền lãi bao

nhiều thì bà T không nhớ. Đến ngày 24/12/2020 anh R tiếp tục vay thêm của bà T số tiền là 20.000.000đ, lãi suất 01%/tháng, thời gian trả là khi nào bà T có nhu cầu sử dụng vốn thì thông báo trước cho anh R một tháng. Sau khi vay thêm số tiền 20.000.000đ của bà T thì anh R ngưng không trả tiền lãi cho bà T nữa. Sau đó bà T nhiều lần yêu cầu anh R trả tiền vốn và tiền lãi cho bà T nhưng anh R không trả.

Nay bà Nguyễn Thị Thu T yêu cầu anh Nguyễn Công R phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho bà T là 120.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Nguyễn Công R đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh R không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long) giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bị đơn anh R. Anh R có nơi cư trú tại ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp R, xã Q, tỉnh Vĩnh Long). Theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T là anh D có đơn xin vắng mặt các phiên tòa xét xử sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh R vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh R đến lần thứ hai nhưng anh R vẫn vắng mặt không có lý do. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh R.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà T và anh R được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình là đã giao cho anh R số tiền 120.000.000đ. Từ khi bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình thì anh R không thực hiện đúng nghĩa vụ là trả đủ số tiền vay cho bà T dẫn đến quyền lợi của bà T bị thiệt hại cần được bảo vệ.

Trong quá trình tham gia tố tụng thì người đại diện theo ủy quyền của bà T là anh D trình bày ngày 02/12/2019 bà T có cho anh R vay số tiền 100.000.000đ, ngày 24/12/2020 bà T có cho anh R vay số tiền là 20.000.000đ, tổng cộng là

120.000.000đ, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng, có viết biên nhận, thời gian trả hai bên thỏa thuận khi nào bà T có nhu cầu sử dụng vốn thì thông báo trước cho anh R một tháng. Sau khi vay thì đối với số tiền vốn 100.000.000đ thì anh R có trả lãi cho bà T theo lãi suất 01%/tháng từ ngày 02/12/2019 đến tháng 12/2020 nhưng số tiền lãi bao nhiêu thì bà T không nhớ. Còn đối với số tiền vốn là 20.000.000đ thì sau khi vay cho đến nay thì anh R không có trả tiền lãi cho bà T. Sau đó bà T có nhiều lần đến tìm anh R để yêu cầu anh R trả tiền vay vốn và tiền lãi cho bà T nhưng anh R không trả. Nay bà T yêu cầu anh R phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho bà T là 120.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy tại phiên tòa hôm nay anh R vắng mặt. Tại “giấy vay tiền” ngày 02/12/2019 với nội dung “Tôi tên Nguyễn Công R, sinh năm 1984, nơi thường trú ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, tôi có vay của bà Nguyễn Thị Thu T, nơi thường trú ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, số tiền là 100.000.000đ bằng chữ Một trăm triệu đồng, con có lấy thêm 20.000.000đ (24/12/2020)” có chữ ký tên của bên vay là anh R nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đối với số tiền vốn 100.000.000đ thì trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bà T là anh D trình bày anh R có trả lãi cho bà T theo lãi suất 01%/tháng từ ngày 02/12/2019 đến tháng 12/2020 nhưng bà T đã nhận số tiền lãi của anh R bao nhiêu thì bà T không nhớ. Lãi suất giữa bà T và anh R thỏa thuận là 01%/tháng không vượt quá theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và trong quá trình tham gia tố tụng thì người đại diện theo ủy quyền của bà T là anh D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền mà bà T cho anh R vay là 120.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Do đó buộc anh R phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền vay là 120.000.000đ.

[3] Án phí sơ thẩm: Buộc anh R phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T do anh Phan Văn D đại diện theo ủy quyền.

2. Buộc anh Nguyễn Công R phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền vay là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), bà Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Buộc anh Nguyễn Công R phải nộp án phí là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).
- + Bà Nguyễn Thị Thu T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Ngô Thị Quyên